

**BỘ TƯ PHÁP - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****BỘ TƯ PHÁP - BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT

*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012***THÔNG TƯ LIÊN TỊCH****Hướng dẫn việc đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay,  
thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

Bộ Tư pháp và Bộ Giao thông vận tải thống nhất hướng dẫn việc đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển như sau:

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay tại Cục Hàng không Việt Nam và đăng ký, cung cấp thông tin về thế chấp tàu biển tại cơ quan đăng ký tàu biển khu vực.

**Điều 2. Các trường hợp đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển**

Các trường hợp đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay và đăng ký thế chấp tàu biển được thực hiện theo quy định tại Thông tư này gồm:

1. Cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay; thế chấp tàu biển;
2. Thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển đã đăng ký;

3. Sửa chữa sai sót về đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển;
4. Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay, tàu biển trong trường hợp đã đăng ký cầm cố, thế chấp;
5. Xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển.

### **Điều 3. Tàu bay, tàu biển được đăng ký cầm cố, thế chấp**

1. Tàu bay.
2. Tàu biển Việt Nam bao gồm:
  - a) Tàu biển đăng ký không thời hạn;
  - b) Tàu biển đăng ký có thời hạn;
  - c) Tàu biển đang đóng;
  - d) Tàu biển đăng ký tạm thời.

### **Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển**

1. Người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin kê khai hồ sơ đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin.

2. Việc cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được đăng ký trên cơ sở nội dung kê khai của người yêu cầu đăng ký trong đơn yêu cầu đăng ký, các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký và phù hợp với thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

### **Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan trong hoạt động đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển**

1. Cục Hàng không Việt Nam, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm (sau đây gọi là Nghị định số 83/2010/NĐ-CP).

2. Cục Hàng không Việt Nam, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực có trách nhiệm sau đây:

a) Bảo đảm nội dung đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển phù hợp với thông tin trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

b) Cung cấp chính xác thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được lưu trữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

3. Trách nhiệm thực hiện báo cáo 06 tháng, hàng năm về công tác đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển

a) Cục Hàng không Việt Nam, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải về công tác đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển.

b) Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm gửi Báo cáo về công tác đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển đến Bộ Tư pháp (đầu mối là Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

4. Kỳ báo cáo được xác định như sau:

a) Đối với báo cáo 06 tháng, thời điểm lấy số liệu tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau;

b) Đối với báo cáo hàng năm, thời điểm lấy số liệu tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

#### **Điều 6. Người yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin**

1. Người yêu cầu đăng ký là một trong các bên ký kết hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp hoặc người được một trong các chủ thể này ủy quyền.

2. Trong trường hợp thay đổi một trong các bên ký kết hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp thì bên bảo đảm mới, bên nhận bảo đảm mới cũng có thể là người yêu cầu đăng ký thay đổi.

3. Cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển.

#### **Điều 7. Kê khai thông tin về các bên trong Đơn yêu cầu đăng ký cầm cố, thế chấp**

1. Thông tin về các bên được kê khai như sau:

a) Chứng minh nhân dân đối với công dân Việt Nam;

b) Hộ chiếu đối với người nước ngoài;

c) Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam;

d) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy phép đầu tư đối với tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc nhà đầu tư nước ngoài.

2. Đối với tổ chức được thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài thì kê khai tên được đăng ký tại cơ quan nước ngoài có thẩm quyền. Trong trường hợp tên được đăng ký của tổ chức không viết bằng chữ Latinh thì kê khai tên giao dịch bằng tiếng Anh.

#### **Điều 8. Thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển và thời hạn có hiệu lực của đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển**

1. Thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được xác định như sau:

a) Thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển là thời điểm thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được ghi vào Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

b) Trong trường hợp đăng ký thay đổi do bổ sung tài sản bảo đảm là tàu bay, tàu biển thì thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được xác định là thời điểm nội dung đơn yêu cầu đăng ký thay đổi đó được ghi vào Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

c) Trong trường hợp đăng ký thay đổi các nội dung khác đã đăng ký, yêu cầu sửa chữa sai sót do lỗi của người thực hiện đăng ký thì thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được xác định là thời điểm đăng ký ban đầu.

2. Thời điểm cơ quan đăng ký tiếp nhận hồ sơ yêu cầu đăng ký là căn cứ để xác định thứ tự ghi thông tin vào Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

3. Thời hạn có hiệu lực của đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được tính từ thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được ghi vào Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam, Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực đến thời điểm xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển.

### **Điều 9. Tài liệu trong hồ sơ yêu cầu đăng ký**

1. Trong hồ sơ yêu cầu đăng ký, nếu có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

2. Đơn yêu cầu đăng ký phải có chữ ký, con dấu (nếu có) của tổ chức, cá nhân là người yêu cầu đăng ký.

3. Đơn yêu cầu xóa đăng ký cầm cố, thế chấp phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các bên ký kết hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp hoặc người được ủy quyền.

Trong trường hợp Đơn yêu cầu xóa đăng ký cầm cố, thế chấp chỉ có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên thế chấp, bên cầm cố thì phải có văn bản đồng ý xóa đăng ký của bên nhận thế chấp, bên nhận cầm cố hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm đã chấm dứt.

4. Đơn yêu cầu đăng ký chỉ cần chữ ký của Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản trong trường hợp Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp bị lâm vào tình trạng phá sản là người yêu cầu đăng ký.

### **Điều 10. Phương thức và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký cầm cố, thế chấp**

Hồ sơ đăng ký được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở của Cục Hàng không Việt Nam trong trường hợp đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực nơi tàu biển đó đăng ký trong trường hợp đăng ký thế chấp tàu biển.

## **Chương II**

### **HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CẦM CỐ TÀU BAY, THẺ CHẤP TÀU BAY**

#### **Điều 11. Hồ sơ đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay**

1. Đơn yêu cầu đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính);
2. Hợp đồng cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay (01 bản chính);
3. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

#### **Điều 12. Thủ tục đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay**

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay đến địa điểm và theo phương thức quy định tại Điều 10 Thông tư này.
2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Kiểm tra, xác minh các thông tin trong hồ sơ với các thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam;
  - b) Ghi thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm), ghi nội dung đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay theo hướng dẫn trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam.
  - c) Ghi thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào điểm 11, ghi tên bên cầm cố, bên thẻ chấp vào điểm 7, tên bên nhận cầm cố, bên nhận thẻ chấp vào điểm 8 Mục I Phụ lục II của Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam.
  - d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này cho người yêu cầu đăng ký hoặc gửi qua đường bưu điện cho người yêu cầu đăng ký sau khi có biên lai chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Trong trường hợp hồ sơ yêu cầu đăng ký thuộc một trong các trường hợp từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì Cục Hàng không Việt Nam từ chối đăng ký bằng văn bản (nêu rõ lý do từ chối), trả hồ sơ đăng ký và hướng dẫn người yêu cầu đăng ký thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 13. Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay đã đăng ký**

Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì người yêu cầu đăng ký thay đổi nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay đã đăng ký gồm:

1. Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay đã đăng ký theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính);

2. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay (01 bản chính) hoặc văn bản chứng minh nội dung thay đổi (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);

3. Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã cấp (01 bản chính);

4. Danh mục các hợp đồng cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính) đối với trường hợp thay đổi tên của bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp hoặc thay đổi bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp trong nhiều giao dịch bảo đảm đã đăng ký;

5. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

#### **Điều 14. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký**

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký đến địa điểm và theo phương thức quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

a) Kiểm tra, xác minh các thông tin trong hồ sơ với các thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam;

b) Ghi thời điểm đăng ký thay đổi (giờ, phút, ngày, tháng, năm) và các nội dung sau đây vào điểm 15 Mục I Phụ lục II của Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam như sau:

Trường hợp thay đổi một trong các bên hoặc các bên ký kết hợp đồng cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay thì ghi “Thay đổi bên cầm cố, thế chấp (hoặc bên nhận cầm cố, thế chấp) thành bên cầm cố, thế chấp mới (hoặc bên nhận cầm cố, thế chấp mới) là ... (ghi tên bên mới thay đổi) theo Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký ngày .../.../...”;

Trường hợp thay đổi tên của một trong các bên hoặc các bên ký kết hợp đồng cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay thì ghi “Thay đổi tên của bên cầm cố, thế chấp (hoặc bên nhận cầm cố, thế chấp) thành tên mới là ... (ghi tên bên mới thay đổi) theo Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký ngày .../.../...”;

Trường hợp rút bớt tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay thì ghi “Rút bớt tài sản cầm cố, thế chấp là ... (ghi thông tin về tài sản bị rút bớt); tài sản cầm cố, thế chấp còn lại là... (ghi nội dung thông tin về tài sản còn lại) theo Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký ngày.../.../...”;

Trường hợp bổ sung tài sản cầm cố, thế chấp tàu bay thì ghi “Bổ sung tài sản cầm cố, thế chấp là ... (ghi thông tin về tài sản được bổ sung) theo Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký ngày.../.../...”;

Trường hợp thay thế tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay thì Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ, thực hiện thủ tục xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các Điều 11, Điều 12 của Thông tư này;

c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã cấp;

d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này cho người yêu cầu đăng ký hoặc gửi qua đường bưu điện cho người yêu cầu đăng ký sau khi có biên lai chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Trong trường hợp hồ sơ yêu cầu đăng ký thay đổi thuộc một trong các trường hợp từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì Cục Hàng không Việt Nam từ chối bằng văn bản (nêu rõ lý do từ chối), trả hồ sơ đăng ký và hướng dẫn người yêu cầu đăng ký thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Hồ sơ sửa chữa sai sót về đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**

1. Đơn yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay theo Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này (*01 bản chính*);

2. Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay do cơ quan đăng ký cấp có sai sót (*01 bản chính*);

3. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (*01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu*).

#### **Điều 16. Thủ tục sửa chữa sai sót về đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay do lỗi của người thực hiện đăng ký**

1. Trong trường hợp người thực hiện đăng ký phát hiện trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận có sai sót về nội dung đã đăng ký thì người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

a) Đính chính thông tin sai sót về nội dung đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

b) Trong trường hợp có sai sót trên Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay thì thông báo với người yêu cầu đăng ký để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay cho người yêu cầu đăng ký theo địa chỉ ghi trên Đơn yêu cầu đăng ký.

2. Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký phát hiện có sai sót về nội dung đã đăng ký thì việc sửa chữa sai sót được thực hiện như sau:

a) Người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đã đăng ký cho Cục Hàng không Việt Nam;

b) Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này.

3. Việc yêu cầu sửa chữa sai sót do lỗi của người thực hiện đăng ký không làm thay đổi thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay và không phải nộp lệ phí yêu cầu sửa chữa sai sót.

**Điều 17. Hồ sơ đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay trong trường hợp đã cầm cố, thế chấp**

1. Đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay theo Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính);

2. Văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay (01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

3. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

4. Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã cấp (01 bản chính).

**Điều 18. Thủ tục đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay trong trường hợp đã đăng ký cầm cố, thế chấp**

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay trong trường hợp đã đăng ký cầm cố, thế chấp đến địa điểm và theo phương thức quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

a) Kiểm tra, xác minh các thông tin trong hồ sơ với các thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam;

b) Ghi thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào điểm 6 Mục II Phụ lục II của Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam; ghi “Đã có văn bản thông báo về việc xử lý ... (ghi tên tài sản phải xử lý) đã cầm cố, thế chấp với (ghi tên bên nhận cầm cố, thế chấp) theo Đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản cầm cố, thế chấp ngày.../.../...” vào các điểm từ điểm 1 đến điểm 5 và tại điểm 8 Mục II Phụ lục II của Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam;

c) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay theo Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư này cho người yêu cầu đăng ký hoặc gửi qua đường bưu điện cho người yêu cầu đăng ký sau khi có biên lai chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

d) Thông báo bằng văn bản về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay cho các bên cùng nhận cầm cố, cùng nhận thế chấp trong trường hợp tàu bay được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ dân sự.



**Điều 19. Hồ sơ xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**

Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 13 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì người yêu cầu xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay nộp (01) một bộ hồ sơ xóa đăng ký gồm:

1. Đơn yêu cầu xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay theo Phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính).

2. Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã cấp (01 bản chính).

3. Văn bản đồng ý xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay của bên nhận cầm cố tàu bay, nhận thế chấp tàu bay hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên cầm cố, bên thế chấp.

4. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

**Điều 20. Thủ tục xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ xóa cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đến địa điểm và theo phương thức quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện xóa đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

a) Kiểm tra, xác minh các thông tin trong hồ sơ với các thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam;

b) Ghi thời điểm xóa đăng ký (*giờ, phút, ngày, tháng, năm*) và ghi “Xóa cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay giữa (*ghi tên bên cầm cố, thế chấp*) và (*ghi tên bên nhận cầm cố, thế chấp*) theo Đơn yêu cầu xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay ngày.../.../...” tại điểm 15 Mục I Phụ lục II của Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam;

c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã cấp;

d) Cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay theo Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này cho người yêu cầu xóa đăng ký hoặc gửi qua đường bưu điện cho người yêu cầu xóa đăng ký.

**Điều 21. Lưu hồ sơ đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**

Tùy từng trường hợp đăng ký cụ thể, hồ sơ lưu về đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay gồm có:

1. Đơn yêu cầu đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay; đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký; đơn yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay; đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay; đơn yêu cầu xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay (01 bản chính);

2. Hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp hoặc văn bản chứng minh nội dung thay đổi (*01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực*);

3. Văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay (*01 bản chính*);

4. Văn bản đồng ý xóa đăng ký cầm cố của bên nhận cầm cố, văn bản đồng ý xóa đăng ký thế chấp của bên nhận thế chấp hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt trong trường hợp Đơn yêu cầu xóa đăng ký chỉ có chữ ký, con dấu của bên cầm cố, bên thế chấp (*01 bản chính*);

5. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (*01 bản sao*);

6. Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay; giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký; giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay; giấy chứng nhận xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã cấp (*01 bản chính*).

### **Chương III** **HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP TÀU BIỂN**

#### **Điều 22. Hồ sơ đăng ký thế chấp tàu biển**

1. Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tàu biển theo Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này (*01 bản chính*);

2. Hợp đồng thế chấp tàu biển (*01 bản chính*);

3. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (*01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu*).

#### **Điều 23. Thủ tục đăng ký thế chấp tàu biển**

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thế chấp tàu biển đến đến địa điểm và theo phương thức quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

a) Kiểm tra, xác minh các thông tin trong hồ sơ với các thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

b) Ghi thời điểm đăng ký (*giờ, phút, ngày, tháng, năm*), ghi nội dung đăng ký thế chấp theo hướng dẫn trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

c) Ghi thời điểm đăng ký (*giờ, phút, ngày, tháng, năm*) vào cột “Ngày” và tại cột “Nội dung đăng ký” ghi “Thế chấp tàu biển giữa (*ghi tên bên thế chấp*) và (*ghi tên bên nhận thế chấp*) theo hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng tín dụng (trường hợp việc thế chấp được ghi trong hợp đồng tín dụng) số.../... ngày.../.../...” tại mục IV của Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển theo Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này cho người yêu cầu đăng ký hoặc gửi qua đường bưu điện cho người yêu cầu đăng ký sau khi có biên lai chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Trong trường hợp hồ sơ yêu cầu đăng ký thuộc một trong các trường hợp từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì cơ quan đăng ký tàu biển khu vực từ chối đăng ký bằng văn bản (nêu rõ lý do từ chối), trả hồ sơ đăng ký và hướng dẫn người yêu cầu đăng ký thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 24. Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký**

Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì người yêu cầu đăng ký thay đổi nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký gồm:

1. Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký theo Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này (*01 bản chính*);
2. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tàu biển (*01 bản chính*) hoặc văn bản chứng minh nội dung thay đổi (*01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực*);
3. Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp (*01 bản chính*);
4. Danh mục các hợp đồng thế chấp tàu biển đã đăng ký (theo Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này) (*01 bản chính*) đối với trường hợp thay đổi tên của bên nhận thế chấp hoặc thay đổi bên nhận thế chấp trong nhiều hợp đồng thế chấp tàu biển đã đăng ký;
5. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (*01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu*).

#### **Điều 25. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký**

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký đến địa điểm và theo phương thức quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

a) Kiểm tra, xác minh các thông tin trong hồ sơ với các thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

b) Ghi thời điểm đăng ký (*giờ, phút, ngày, tháng, năm*) vào cột “Ngày” và tại cột “nội dung đăng ký” trong Mục IV của Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực ghi như sau:

Trường hợp thay đổi một trong các bên hoặc các bên ký kết hợp đồng thế chấp tàu biển thì ghi “Thay đổi bên thế chấp (hoặc bên nhận thế chấp) thành bên thế chấp mới (hoặc bên nhận thế chấp mới) là... (*ghi tên bên mới thay đổi*) theo Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký ngày.../.../...”;

Trường hợp thay đổi tên của một trong các bên hoặc các bên ký kết hợp đồng thế chấp tàu biển thì ghi “Thay đổi tên của bên thế chấp (hoặc bên nhận thế chấp) thành tên mới là... (ghi tên bên mới thay đổi) theo Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký ngày.../.../...”;

Trường hợp rút bớt tài sản bảo đảm bằng tàu biển thì ghi "Rút bớt tài sản thế chấp là...(ghi thông tin về tài sản bị rút bớt); tài sản thế chấp còn lại là...(ghi nội dung thông tin về tài sản còn lại) theo Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký ngày.../.../...”;

Trường hợp bổ sung tài sản bảo đảm bằng tàu biển thì ghi “Bổ sung tài sản thế chấp là...(ghi thông tin về tài sản được bổ sung) theo Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký ngày.../.../...”;

Trường hợp thay thế tài sản thế chấp là tàu biển thì cơ quan đăng ký hướng dẫn người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ, thực hiện thủ tục xóa đăng ký thế chấp tàu biển theo quy định tại Điều 30, Điều 31 và thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định tại các Điều 22 và Điều 23 của Thông tư này.

c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp;

d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký theo Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này cho người yêu cầu đăng ký hoặc gửi qua đường bưu điện cho người yêu cầu đăng ký sau khi có biên lai chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Trong trường hợp hồ sơ yêu cầu đăng ký thay đổi thuộc một trong các trường hợp từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì cơ quan đăng ký từ chối bằng văn bản (nêu rõ lý do từ chối), trả hồ sơ đăng ký và hướng dẫn người yêu cầu đăng ký thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 26. Hồ sơ sửa chữa sai sót về đăng ký thế chấp tàu biển**

1. Đơn yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký thế chấp tàu biển theo Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính);

2. Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển do cơ quan đăng ký cấp có sai sót (01 bản chính);

3. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

#### **Điều 27. Thủ tục sửa chữa sai sót về đăng ký thế chấp tàu biển do lỗi của người thực hiện đăng ký**

1. Trong trường hợp người thực hiện đăng ký phát hiện trong Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận có sai sót về nội dung đã đăng ký thì việc sửa chữa sai sót được thực hiện như sau:

a) Báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký tàu biển khu vực xem xét, quyết định việc chỉnh lý thông tin;

b) Định chính thông tin sai sót về nội dung đăng ký thể chấp tàu biển trong Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thể chấp tàu biển cho người yêu cầu đăng ký theo địa chỉ ghi trên đơn yêu cầu đăng ký.

c) Trong trường hợp có sai sót trên Giấy chứng nhận thì thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký thể chấp tàu biển đã cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thể chấp tàu biển cho người yêu cầu đăng ký theo địa chỉ ghi trên đơn yêu cầu đăng ký.

2. Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký phát hiện có sai sót về nội dung đã đăng ký thì việc sửa chữa sai sót được thực hiện như sau:

a) Người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đã đăng ký cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực nơi thực hiện đăng ký;

b) Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc theo hướng dẫn tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

3. Việc sửa chữa sai sót do lỗi của người thực hiện đăng ký không làm thay đổi thời điểm đăng ký thể chấp tàu biển và không phải nộp lệ phí yêu cầu sửa chữa sai sót.

### **Điều 28. Hồ sơ đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thể chấp là tàu biển trong trường hợp đã đăng ký thể chấp**

1. Đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thể chấp là tàu biển theo Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này (01 bản chính);

2. Văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thể chấp bằng tàu biển (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

3. Giấy chứng nhận đăng ký thể chấp tàu biển đã cấp (01 bản chính);

4. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

### **Điều 29. Thủ tục đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thể chấp là tàu biển trong trường hợp đã đăng ký thể chấp**

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thể chấp là tàu biển trong trường hợp đã đăng ký thể chấp đến địa điểm và theo phương thức quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

a) Kiểm tra, xác minh các thông tin trong hồ sơ với các thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

b) Ghi thời điểm đăng ký (*giờ, phút, ngày, tháng, năm*) vào cột “Ngày” và tại cột “Nội dung đăng ký” ghi “đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý... (*ghi tên tài sản phải xử lý*) đã thế chấp với (*ghi tên bên nhận thế chấp*) theo Đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản thế chấp ngày.../.../...” tại mục IV của Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

c) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển theo Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư này cho người yêu cầu đăng ký hoặc gửi qua đường bưu điện cho người yêu cầu đăng ký sau khi có biên lai chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

d) Thông báo bằng văn bản về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển cho các bên cùng nhận thế chấp trong trường hợp tàu biển được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ dân sự.

### **Điều 30. Hồ sơ xóa đăng ký thế chấp tàu biển**

Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 13 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì người yêu cầu xóa đăng ký thế chấp tàu biển nộp một (01) bộ hồ sơ gồm:

1. Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp tàu biển theo Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này (*01 bản chính*);

2. Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp (*01 bản chính*);

3. Văn bản đồng ý xóa đăng ký thế chấp tàu biển của bên nhận thế chấp tàu biển hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên thế chấp.

4. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (*01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu*).

### **Điều 31. Thủ tục xóa đăng ký thế chấp tàu biển**

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ xóa đăng ký thế chấp tàu biển đến địa điểm và theo phương thức quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện xóa đăng ký thực hiện các công việc sau đây:

a) Kiểm tra, xác minh các thông tin trong hồ sơ với các thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

b) Ghi thời điểm xóa đăng ký (*giờ, phút, ngày, tháng, năm*) vào cột “Ngày” và tại cột “nội dung đăng ký” ghi “Xóa thế chấp tàu biển giữa (*ghi tên bên thế chấp*) và (*ghi tên bên nhận thế chấp*) theo Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp tàu biển ngày.../.../...” tại mục IV của Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp;

d) Cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký thế chấp tàu biển theo Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này cho người yêu cầu xóa đăng ký hoặc gửi qua đường

bưu điện cho người yêu cầu xóa đăng ký sau khi có biên lai chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

### **Điều 32. Lưu hồ sơ đăng ký thế chấp tàu biển**

Tùy từng trường hợp đăng ký cụ thể, hồ sơ lưu về đăng ký thế chấp tàu biển gồm có:

1. Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tàu biển; đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký; đơn yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký thế chấp tàu biển; đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển; đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp tàu biển (*01 bản chính*);
2. Hợp đồng thế chấp; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hoặc văn bản chứng minh nội dung thay đổi (*01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực*);
3. Văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển (*01 bản chính*);
4. Văn bản đồng ý xóa đăng ký thế chấp của bên nhận thế chấp hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt trong trường hợp Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp tàu biển chỉ có chữ ký, con dấu của bên thế chấp (*01 bản chính*);
5. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (*01 bản sao*);
6. Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển; giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký; giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển; giấy chứng nhận xóa đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp (*01 bản chính*).

## **Chương IV**

### **CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ CẦM CỔ TÀU BAY, THẾ CHẤP TÀU BAY, THẾ CHẤP TÀU BIỂN**

#### **Điều 33. Nội Đơn yêu cầu cung cấp thông tin**

1. Cá nhân, tổ chức có yêu cầu tìm hiểu thông tin về cầm cổ tàu bay, thế chấp tàu bay nộp một (01) Đơn yêu cầu cung cấp thông tin về cầm cổ tàu bay, thế chấp tàu bay (*01 bản chính*) theo mẫu quy định tại Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam theo một trong các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP.

2. Cá nhân, tổ chức có yêu cầu tìm hiểu thông tin về thế chấp tàu biển nộp một (01) Đơn yêu cầu cung cấp thông tin về thế chấp tàu biển (*01 bản chính*) theo mẫu quy định tại Phụ lục 22 ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan đăng ký tàu biển khu vực theo một trong các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP.

**Điều 34. Tiếp nhận Đơn yêu cầu cung cấp thông tin**

1. Sau khi nhận Đơn yêu cầu cung cấp thông tin, cơ quan đăng ký kiểm tra tính hợp lệ của Đơn yêu cầu cung cấp thông tin.

2. Trường hợp Đơn yêu cầu cung cấp thông tin không đúng quy định hoặc không thuộc thẩm quyền của cơ quan đăng ký thì cơ quan đăng ký từ chối bằng văn bản, trả hồ sơ đăng ký và hướng dẫn người yêu cầu đăng ký thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 35. Giải quyết Đơn yêu cầu cung cấp thông tin**

Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 44 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, cơ quan đăng ký có trách nhiệm tra cứu thông tin lưu trữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực và cấp Văn bản cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, Văn bản cung cấp thông tin về thế chấp tàu biển cho người yêu cầu cung cấp thông tin.

**Điều 36. Trả kết quả cung cấp thông tin**

Người yêu cầu cung cấp thông tin nhận Văn bản cung cấp thông tin (*01 bản chính*) trực tiếp tại cơ quan đăng ký hoặc nhận qua đường bưu điện.

**Điều 37. Lưu hồ sơ cung cấp thông tin**

Cơ quan đăng ký lưu hồ sơ cung cấp thông tin gồm các giấy tờ sau đây:

1. Đơn yêu cầu cung cấp thông tin (*01 bản chính*);
2. Văn bản cung cấp thông tin có chứng nhận của cơ quan đăng ký (*01 bản chính*).

## **Chương V** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 38. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2012.
2. Ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục sau đây:
  - 2.1. Phụ lục 01: Mẫu đơn yêu cầu đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay;
  - 2.2. Phụ lục 02: Mẫu giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay;
  - 2.3. Phụ lục 03: Mẫu đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký;
  - 2.4. Phụ lục 04: Mẫu danh mục các hợp đồng cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký;
  - 2.5. Phụ lục 05: Mẫu giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký;



2.6. Phụ lục 06: Mẫu đơn yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay;

2.7. Phụ lục 07: Mẫu đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay;

2.8. Phụ lục 08: Mẫu giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay;

2.9. Phụ lục 09: Mẫu đơn yêu cầu xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay;

2.10. Phụ lục 10: Mẫu giấy chứng nhận xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay;

2.11. Phụ lục 11: Mẫu đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tàu biển;

2.12. Phụ lục 12: Mẫu giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển;

2.13. Phụ lục 13: Mẫu đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký;

2.14. Phụ lục 14: Mẫu danh mục các hợp đồng thế chấp tàu biển đã đăng ký;

2.15. Phụ lục 15: Mẫu giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký;

2.16. Phụ lục 16: Mẫu đơn yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký thế chấp tàu biển đã đăng ký;

2.17. Phụ lục 17: Mẫu đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển;

2.18. Phụ lục 18: Mẫu giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển;

2.19. Phụ lục 19: Mẫu đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp tàu biển;

2.20. Phụ lục 20: Mẫu giấy chứng nhận xóa đăng ký thế chấp tàu biển;

2.21. Phụ lục 21: Mẫu đơn yêu cầu cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay;

2.22. Phụ lục 22: Mẫu đơn yêu cầu cung cấp thông tin về thế chấp tàu biển.

### **Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường hợp cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nhưng hồ sơ chưa được giải quyết thì cơ quan đăng ký thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin theo thủ tục quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển, đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20

tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng, Nghị định số 29/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về đăng ký và mua bán tàu biển, nhưng có yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, xóa đăng ký sau thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 40. Trách nhiệm thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp và Bộ Giao thông vận tải để phối hợp nghiên cứu, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**Đinh La Thăng**

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ TƯ PHÁP**

**Hà Hùng Cường**

**Phụ lục 01. Mẫu đơn yêu cầu đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**  
 Annex 01: Application form for aircraft mortgage, aircraft pledge registration  
 (Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
 Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
 March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm ...

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day... month... year...

**ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ**  
**CẦM CỐ TÀU BAY, THẾ CHẤP TÀU BAY**  
**APPLICATION FOR AIRCRAFT MORTGAGE,**  
**AIRCRAFT PLEDGE REGISTRATION**

**Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam**

**❶ Thông tin chung/General information**

1.1. Loại hình đăng ký/Registration type

Cầm cố/Mortgage       Thế chấp/Pledge

1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant

Bên cầm cố, thế chấp/       Bên nhận cầm cố, thế chấp/       Người được ủy quyền/  
 Securing party      Secured party      Authorized person

- Họ và tên/Full name .....

- Địa chỉ/Address .....

- Số điện thoại/Tel..... Thụ điện tử/Email .....

CMND/ID       Hộ chiếu/PP

Số/No..... do/issued by..... cấp ngày/on ...../...../.....

Giấy ủy quyền/Authorization document

Giấy tờ khác (ghi cụ thể)/Other (specify)

1.3. Nhận kết quả đăng ký/       Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry

Methods to get registration       Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By  
 result      post (specify name and address of receiver) .....

**❷ Bên cầm cố, thế chấp/Securing party**

- Tên đầy đủ (viết chữ IN HOA)/Full name (write in CAPITAL LETTERS):

- Địa chỉ/Address:

- Quốc tịch/Nationality:

|  |  |
|--|--|
| <p><b>③ Bên nhận cầm cố, thế chấp/Secured party</b></p> <p>- Tên đầy đủ (<i>viết chữ IN HOA</i>)/Full name (<i>write in CAPITAL LETTERS</i>):</p> <p>- Địa chỉ/Address:</p> <p>- Quốc tịch/Nationality:</p>  |  |
| <p><b>④ Mô tả tài sản cầm cố, thế chấp/Description of security property</b></p> <p>- Số hiệu đăng ký/Registration Mark:</p> <p>- Loại tàu bay/Type of Aircraft:</p> <p>- Kiểu tàu bay/Designation of Aircraft:</p> <p>- Nhà sản xuất/Manufacturer:</p> <p>- Số xuất xưởng tàu bay/Manufacturer's Serial Number:</p> <p>- Năm xuất xưởng/Year of Delivery from the Manufacturer:</p> <p>- Kiểu loại động cơ/Designation of Engines:</p> <p>- Thời điểm hình thành/Time of Formation:</p>                      |  |
| <p><b>⑤ Hợp đồng cầm cố tàu bay hoặc hợp đồng thế chấp tàu bay/Aircraft mortgage contract or Aircraft pledge contract</b></p> <p>- Số/No..... ký ngày/signed on..... tháng/month..... năm/year .....</p> <p>- Giá trị nghĩa vụ được bảo đảm của giao dịch/Secured obligation value of the transaction:</p> <p>.....</p>  |  |
| <p><b>⑥ Kèm theo đơn yêu cầu gồm có/Attachment to the application include</b></p> <p>- <i>Hợp đồng cầm cố hoặc thế chấp tàu bay</i> Aircraft mortgage or pledge contract</p> <p>- <i>Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của Bên bảo đảm và Bên nhận bảo đảm</i> Documents proving legal status of the Securing party and Secured party</p> <p>- <i>Văn bản ủy quyền (nếu có)</i> Authorization document (if any)</p> <p>- <i>Giấy tờ khác (nếu có)/Others (if any)</i></p>                                   | <p><b>Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar</b></p> <p><input type="text"/></p> <p><input type="text"/></p> <p><input type="text"/></p> <p><input type="text"/></p> |
| <p><b>⑦ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn này là trung thực, phù hợp với thỏa thuận của các bên tham gia giao dịch bảo đảm, hợp đồng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai./The applicant commits the information stated in the Application is true and correct, suitable with the agreement of the Parties participating in the secured transaction, contract and completely responsible to the law for stated information.</b></p> |  |

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/BÊN BẢO ĐẢM/  
SECURED PARTY/SECURING PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)*  
*Signature, full name, position and stamp (if any)*

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận đơn: \_ \_ \_ giờ \_ \_ \_  
*phút, ngày* \_ \_ \_ / \_ \_ \_ / \_ \_ \_

Time of application receiving: \_ \_ \_ hour \_ \_ \_  
*minute, on* \_ \_ \_ / \_ \_ \_ / \_ \_ \_

Cán bộ tiếp nhận (*ký và ghi rõ họ, tên*)/Receiver  
(*signature and full name*)

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION****1. Hướng dẫn chung/General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion having different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item 5** Mỗi đơn yêu cầu chỉ đăng ký một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/Each application only registers a contract and the annexes of that contract (if any).

**Phụ lục 02. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**  
 Annex 02: Registration certificate form of aircraft mortgage, aircraft pledge  
 (Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
 Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
 March 2012)

|   |  |
|---|--|
| <p><b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b><br/> <b>CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</b><br/> <b>MINISTRY OF TRANSPORT</b><br/> <b>CIVIL AVIATION AUTHORITY</b><br/> <b>OF VIETNAM</b></p> <p>Số:        /        /GCN-CHK<br/>         Number ref:</p>  | <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/> <u><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></u><br/> <b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b><br/> <b>Independence - Freedom - Happiness</b></p> |
| <p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CẦM CỐ TÀU BAY, THẾ CHẤP TÀU BAY</b><br/> <b>REGISTRATION CERTIFICATE OF AIRCRAFT PLEDGE,</b><br/> <b>AIRCRAFT MORTGAGE</b></p>   |  |
| <p><b>1. Bên cầm cố, thế chấp/Securing party</b><br/>         Tên/Full name:<br/>         Địa chỉ/Address:</p> <p><b>2. Bên nhận cầm cố, thế chấp/Secured party</b><br/>         Tên/Full name:<br/>         Địa chỉ/Address:</p> <p><b>3. Tàu bay/Aircraft</b><br/>         Số hiệu đăng ký/Registration Mark:<br/>         Loại tàu bay/Type of Aircraft:<br/>         Kiểu tàu bay/Designation of Aircraft:<br/>         Nhà sản xuất/Manufacturer:<br/>         Số xuất xưởng tàu bay/Manufacturer's Serial Number:<br/>         Năm xuất xưởng/Year of Delivery from the Manufacturer:<br/>         Kiểu loại động cơ/Designation of Engines:<br/>         Thời điểm hình thành/Time of Formation:</p> <p><b>4. Giá trị nghĩa vụ được bảo đảm/Value of secured obligation:</b></p> <p><b>5. Thời hạn của quyền/Duration of right</b><br/>         Thời điểm bắt đầu/Date of Effectiveness:<br/>         Thời điểm kết thúc/Date of Expiry:</p> |  |
| <p>Ngày đăng ký/Date of Registration:<br/>         Ngày cấp/Date of issue:</p>  | <p><b>CỤC TRƯỞNG</b><br/> <b>DIRECTOR GENERAL</b></p>  |

**Phụ lục 03. Mẫu đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung  
cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký**

Annex 03: Application form for change of registered aircraft mortgage, aircraft pledge content  
(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

....., day... month... year...

**ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG  
CẦM CỐ TÀU BAY, THẾ CHẤP TÀU BAY ĐÃ ĐĂNG KÝ  
APPLICATION FOR CHANGE OF REGISTERED AIRCRAFT MORTGAGE,  
AIRCRAFT PLEDGE REGISTRATION CONTENT**

**Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam**

|   |  |
|---|--|
| <b>❶ Thông tin chung/General Information</b>                                    |  |
| 1.1. Loại hình đăng ký/Registration type  |  |
| <input type="checkbox"/> Cầm cố/Mortgage  | <input type="checkbox"/> Thế chấp/Pledge   |
| 1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant  |  |
| <input type="checkbox"/> Bên cầm cố, thế chấp/<br>Securing party                | <input type="checkbox"/> Bên nhận cầm cố, thế chấp/<br>Secured party   |
| <input type="checkbox"/> Người được ủy quyền/<br>Authorized person              |  |
| - Họ và tên/Full name .....   |  |
| - Địa chỉ/Address.....  |  |
| - Số điện thoại/Tel..... Thư điện tử/Email.....                                 |  |
| <input type="checkbox"/> CMND/ID  | <input type="checkbox"/> Hộ chiếu/PP   |
| Số/No..... do/issued by..... cấp ngày/on ...../...../.....                      |  |
| <input type="checkbox"/> Giấy ủy quyền/Authorization document                   |  |
| <input type="checkbox"/> Giấy tờ khác (ghi cụ thể)/Other (specify)              |  |
| 1.3. Nhận kết quả đăng ký/<br>Methods to get registration result                |  |
| <input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry | <input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of receiver) ..... |
| .....   |  |
| <b>❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration certificate No.:</b> |  |
| .....   |  |





**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận đơn: \_\_\_ giờ \_\_\_ phút,  
ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_ hour \_\_\_  
minute, on \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/Receiver  
(signature and full name):

---

---

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item 2** - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/Number of Registration certificate issued by the registry.



**Phụ lục 05. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung cầm cố  
tàu bay, thế chấp tàu bay đã đăng ký**

Annex 05: Registration Certificate on changes of content of registered  
aircraft mortgage, aircraft pledge

(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
March 2012)

|   |   |
|---|---|
| <p><b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI<br/>CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM<br/>MINISTRY OF TRANSPORT<br/>CIVIL AVIATION AUTHORITY<br/>OF VIETNAM</b></p> <p>Số:        /        /GCN-CHK<br/>Number ref:</p>   | <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/><u><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></u><br/><b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b><br/><b>Independence - Freedom – Happiness</b></p> |
| <p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG<br/>CẦM CỐ TÀU BAY, THẾ CHẤP TÀU BAY ĐÃ ĐĂNG KÝ</b></p> <p><b>REGISTRATION CERTIFICATE OF CHANGES IN<br/>REGISTERED AIRCRAFT MORTGAGE</b></p>   |   |
| <p><b>1. Bên cầm cố, thế chấp/Securing party</b><br/>Tên/Full name:<br/>Địa chỉ/Address:</p> <p><b>2. Bên nhận cầm cố, thế chấp/Secured party</b><br/>Tên/Full name:<br/>Địa chỉ/Address:</p> <p><b>3. Tàu bay/Aircraft</b><br/>Số hiệu đăng ký/Registration Mark:<br/>Loại tàu bay/Type of Aircraft:<br/>Kiểu tàu bay/Designation of Aircraft:<br/>Nhà sản xuất/Manufacturer:<br/>Số xuất xưởng tàu bay/Manufacturer's Serial Number:<br/>Năm xuất xưởng/Year of Delivery from the Manufacturer:<br/>Kiểu loại động cơ/Designation of Engines:<br/>Thời điểm hình thành/Time of Formation:</p> <p><b>4. Giá trị nghĩa vụ được bảo đảm/Value of secured obligation:</b></p> |   |

**5. Thời hạn của quyền/Duration of right**

Thời điểm bắt đầu/Date of Effectiveness:

Thời điểm kết thúc/Date of Expiry:

Ngày đăng ký/Date of Registration:

Ngày cấp/Date of issue:

**CỤC TRƯỞNG  
DIRECTOR GENERAL**

Ghi chú/Notes: Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố, thế chấp tàu bay số / /GCN-CHK./This Registration Certificate supersedes the Registration Certificate of Aircraft Mortgage, Aircraft Pledge No. .... /GCN-CHK

**Phụ lục 06. Mẫu đơn yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký cầm cố tàu bay,  
thế chấp tàu bay**

Annex 06: Application Form for error correction of aircraft mortgage, pledge registration  
(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**ĐƠN YÊU CẦU SỬA CHỮA SAI SÓT VỀ ĐĂNG KÝ  
CẦM CỐ TÀU BAY, THẾ CHẤP TÀU BAY  
APPLICATION FOR ERROR CORRECTION OF AIRCRAFT MORTGAGE,  
PLEDGE REGISTRATION**

**Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam**

|   |   |
|---|---|
| <b>❶ Thông tin chung/General information</b>                                    |   |
| 1.1. Loại hình đăng ký/Registration type  |   |
| <input type="checkbox"/> Cầm cố/Mortgage  | <input type="checkbox"/> Thế chấp/Pledge  |
| 1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant:   |   |
| <input type="checkbox"/> Bên cầm cố, thế chấp/Securing party                    | <input type="checkbox"/> Bên nhận cầm cố, thế chấp/Secured party  |
|   | <input type="checkbox"/> Người được ủy quyền/Authorized person  |
| - Họ và tên/Full name.....  |   |
| - Địa chỉ/Address.....  |   |
| - Số điện thoại/Tel: ..... Thư điện tử/Email.....                               |   |
| <input type="checkbox"/> CMND/ID  | <input type="checkbox"/> Hộ chiếu/PP  |
| Số/No..... do/issued by..... cấp ngày/on /...../.....                           |   |
| <input type="checkbox"/> Giấy ủy quyền/Authorization document                   |   |
| <input type="checkbox"/> Giấy tờ khác (ghi cụ thể)/Others (specify)             |   |
| 1.3. Nhận kết quả đăng ký   |   |
| Methods to get registration result  | <input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry   |
|   | <input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận/By post (specify name and address of receiver) ..... |
| .....   |   |
| <b>❷ Số giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration Certificate No.:</b> |   |
| .....   |   |

**③ Nội dung sửa chữa sai sót** (*kê khai về nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa*)/**Contents of error correction** (*state error contents and requested contents for correction*)

.....

.....

**④ Kèm theo đơn yêu cầu gồm có/Attachments to the application include**

- Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã cấp  
*Issued Certificate of Aircraft mortgage, pledge registration*

- Văn bản ủy quyền/*Authorization document*

- Giấy tờ khác/*Other documents*

**Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar**




**⑤ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/The applicant commits the information stated in the Application is true and correct, full and completely responsible to the law for stated information.**

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/BÊN BẢO ĐẢM/  
SECURED PARTY/SECURING PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận đơn: \_\_\_ giờ \_\_\_ phút,  
ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_ hour \_\_\_  
minute, on \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Cán bộ tiếp nhận (*ký và ghi rõ họ, tên*)/Receiver  
(*signature and full name*)



**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION****1. Hướng dẫn chung/General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content..

**2. Kê khai tại mục/Complete in item ②** - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/Number of Registration certificate issued by the registry.

**3. Kê khai tại mục/Complete in item ③** - Nội dung sửa chữa sai sót/Contents of error correction

- Kê khai về nội dung sai sót (theo đúng nội dung tại đơn yêu cầu đăng ký có nội dung sai sót) và nội dung yêu cầu sửa chữa/Complete about error contents (under the contents as stated at the application for registration with error contents) and requested contents for correction.

- Mỗi nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa phải đánh số thứ tự và được kê khai cách nhau 01 dòng (*ví dụ, 01. nội dung "A" sửa thành "AI"; 02. tên tàu là "Hồng Hà" sửa thành tên tàu là "Hoàng Hà"*)/Each error content and requested content for correction must be numbered and completed far from other 01 line (*for example, 01. content "A" is corrected "AI"; 02. name of ship as "Hong Ha" is corrected "Hoang Ha"*).

**4. Kê khai tại mục/Complete in item ④** - Kèm theo Đơn yêu cầu gồm có/Attachments to the application include

- Trong trường hợp có sai sót trên Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp thì người yêu cầu đăng ký nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp cho cơ quan đăng ký và cơ quan đăng ký sẽ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã được sửa chữa sai sót cho người yêu cầu đăng ký/In the error case on the issued Registration certificate, the applicant must submit the issued Registration certificate to the Registry and the Registry shall reissue the Registration certificate with error correction for the applicant.

**Phụ lục 07. Mẫu đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản  
cầm cố, thế chấp là tàu bay**

Annex 07: Application form for registration of notice on enforcement of mortgaged, pledged aircraft  
(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

....., day ... month ... year ...

**ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC  
XỬ LÝ TÀI SẢN CẦM CỐ, THẾ CHẤP LÀ TÀU BAY  
APPLICATION FOR REGISTRATION OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF  
MORTGAGED, PLEDGED AIRCRAFT**

**Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam**

**❶ Thông tin chung/General Information**

**1.1. Loại hình đăng ký/Registration type**

Cầm cố/Mortgage       Thế chấp/Pledge

**1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant**

Bên cầm cố, thế chấp/Securing party       Bên nhận cầm cố, thế chấp/Secured party       Người được ủy quyền/Authorized person

- Họ và tên/Full name.....

- Địa chỉ/Address.....

- Số điện thoại/Tel..... Thư điện tử/Email.....

CMND/ID       Hộ chiếu/PP

Số/No..... do/issued by..... cấp ngày/on ...../...../.....

Giấy ủy quyền/Power of attorney

Giấy tờ khác (ghi cụ thể)/Other (specify)

**1.3. Nhận kết quả đăng ký/**  Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry  
Methods to get registration  Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By  
result post (specify name and address of receiver) .....

**❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration certificate No .....**



**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận đơn: \_\_\_ giờ \_\_\_  
phút, ngày \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_ /

Time of application receiving: \_\_\_ hour \_\_\_  
minute, on \_\_\_ / \_\_\_ / \_\_\_

Cán bộ tiếp nhận (*ký và ghi rõ họ, tên*)/  
Receiver (*signature and full name*)

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION****1. Hướng dẫn chung/General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item ②** - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/Number of Registration certificate issued by the registry.

**3. Kê khai tại mục/Complete in item ③** - Tài sản cầm cố, thế chấp bị xử lý/Settled mortgage, pledge assets

**Phụ lục 08. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc  
xử lý tài sản cầm cố, thế chấp là tàu bay**

Annex 08: Registration certificate form of document informing about  
settlement of mortgaged, pledge aircraft

(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
March 2012)

|  |  |
|--|--|
| <p><b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI<br/>CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM<br/>MINISTRY OF TRANSPORT<br/>CIVIL AVIATION AUTHORITY<br/>OF VIETNAM</b></p> <p>Số:        /        /GCN-CHK<br/>Number ref:</p>  | <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br/><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b></p> <p><b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM<br/>Independence - Freedom - Happiness</b></p> |
| <p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC<br/>XỬ LÝ TÀI SẢN CẦM CỐ, THẾ CHẤP LÀ TÀU BAY</b></p> <p><b>REGISTRATION CERTIFICATE OF NOTICE ON ENFORCEMENT<br/>OF MORTGAGED, PLEDGED AIRCRAFT</b></p>   |  |
| <p><b>1. Bên cầm cố, thế chấp/Securing party</b><br/>Tên/Full name<br/>Địa chỉ/Address</p> <p><b>2. Bên nhận cầm cố, thế chấp/Secured party</b><br/>Tên/Full name<br/>Địa chỉ/Address</p> <p><b>3. Tàu bay/Aircraft</b><br/>Số hiệu đăng ký/Registration Mark<br/>Loại tàu bay/Type of Aircraft<br/>Kiểu tàu bay/Designation of Aircraft<br/>Nhà sản xuất/Manufacturer<br/>Số xuất xưởng tàu bay/Manufacturer's Serial Number<br/>Năm xuất xưởng/Year of Delivery from the Manufacturer<br/>Kiểu loại động cơ/Designation of Engines<br/>Thời điểm hình thành/Time of Formation</p> <p><b>4. Số Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố, thế chấp tàu bay đã cấp/Certificate of<br/>Aircraft Mortgage, Pledge No.</b></p> <p>.....</p> <p><b>5. Lý do xử lý/Reason of the enforcement</b></p> <p>.....</p> <p><b>6. Phương thức xử lý/Enforcement method</b></p> <p>.....</p> |  |

|   |  |
|---|--|
| <b>7. Nghĩa vụ được xử lý/ secured obligation to be enforced</b><br>..... |  |
| <b>8. Thời điểm xử lý/Enforcement time</b><br>.....                       |  |
| Ngày đăng ký/Date of Registration<br>Ngày cấp/Date of issue               | <b>CỤC TRƯỞNG<br/>DIRECTOR GENERAL</b> |
| Ghi chú/Notes   |  |

**Phụ lục 09. Mẫu đơn yêu cầu xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**  
 Annex 09: Application form for deletion of aircraft mortgage, pledge registration  
 (Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
 Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
 March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**ĐƠN YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ CẦM CỐ TÀU BAY, THẾ CHẤP TÀU BAY**  
**APPLICATION FOR CANCELLATION OF AIRCRAFT MORTGAGE,**  
**PLEDGE REGISTRATION**

**Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam**

|   |   |
|---|---|
| <b>❶ Thông tin chung/General information</b>  |   |
| 1.1. Loại hình đăng ký/Registration type  |   |
| <input type="checkbox"/> Cầm cố/Mortgage  | <input type="checkbox"/> Thế chấp/Pledge  |
| 1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant  |   |
| <input type="checkbox"/> Bên cầm cố, thế chấp/<br>Securing party                      | <input type="checkbox"/> Bên nhận cầm cố, thế<br>chấp/Secured party   |
| <input type="checkbox"/> Người được ủy quyền/<br>Authorized person                    |   |
| - Họ và tên/Full name .....   |   |
| - Địa chỉ/Address .....   |   |
| - Số điện thoại/Tel..... Thư điện tử/Email .....                                      |   |
| <input type="checkbox"/> CMND/ID  | <input type="checkbox"/> Hộ chiếu/PP  |
| Số/No..... do/issued by..... cấp ngày/on ...../...../.....                            |   |
| <input type="checkbox"/> Giấy ủy quyền/Authorization document                         |   |
| <input type="checkbox"/> Giấy tờ khác (ghi cụ thể)/Other (specify)                    |   |
| 1.3. Nhận kết quả đăng ký/<br>Methods to get registration                             |   |
| <input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry       | <input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By<br>post (specify name and address of receiver) ..... |
| .....   |   |
| <b>❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration certificate No.:</b> ..... |   |
| - Lý do xóa đăng ký/Reason for registration cancellation                              |   |
| - Giá trị nghĩa vụ bị xóa/Deleted obligation value                                    |   |



|   |  |
|---|--|
| <p><b>3 Kèm theo đơn yêu cầu gồm có/Attachments to the application include</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay đã cấp<br/>Issued certificate of aircraft mortgage, pledge registration<br/>gồm..... trang<br/>including ..... page(s)</li> <li>- Văn bản đồng ý xóa của bên nhận bảo đảm hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt, trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm<br/>Deletion agreement letter of the secured party or document certifying termination of the secured obligations in case of the person requiring the deletion of registration is the securing party<br/>gồm... trang<br/>including... page(s)</li> <li>- Văn bản ủy quyền (nếu có)<br/>Authorization document (if any)<br/>gồm..... trang<br/>including... page(s)</li> <li>- Giấy tờ khác (nếu có)/Others (if any)</li> </ul> | <p><b>Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar</b></p> <div style="border: 1px solid black; height: 70px; width: 100%;"></div> <div style="border: 1px solid black; height: 40px; width: 100%;"></div> <div style="border: 1px solid black; height: 20px; width: 100%;"></div> <div style="border: 1px solid black; height: 20px; width: 100%;"></div> |
|---|--|

**4 Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/The applicant commits the information stated in the Application is true and correct, full and completely responsible to the law for stated information.**

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/BÊN BẢO ĐẢM/  
SECURED PARTY/SECURING PARTY  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

|   |
|---|
| <p><b>PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ<br/>FOR REGISTRY ONLY</b></p>  |
| <p>Thời điểm tiếp nhận đơn: ___ giờ ___ phút, ngày ___/___/___<br/>Time of application receiving: ___ hour ___ minute, on ___/___/___</p> |
| <p>Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/<br/>Receiver (signature and full name):</p>   |

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item ②** - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/Number of Registration certificate issued by the registry.

**Phụ lục 10. Mẫu giấy chứng nhận xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**  
 Annex 10: Certificate form for deletion of mortgage aircraft, pledge aircraft registration  
 (Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
 Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
 March 2012)

|   |  |
|---|--|
| <p><b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b><br/> <b>CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</b><br/> <b>MINISTRY OF TRANSPORT</b><br/> <b>CIVIL AVIATION AUTHORITY</b><br/> <b>OF VIETNAM</b></p> <p>Số:        /        /GCN-CHK<br/>         Number ref:</p>  | <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/> <u><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></u><br/> <b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b><br/> <b>Independence - Freedom - Happiness</b></p> |
| <p><b>GIẤY CHỨNG NHẬN</b><br/> <b>XÓA ĐĂNG KÝ CẦM CỐ TÀU BAY, THẾ CHẤP TÀU BAY</b><br/> <b>CERTIFICATE FOR CANCELLATION OF MORTGAGE AIRCRAFT,</b><br/> <b>PLEDGE AIRCRAFT REGISTRATION</b></p>  |  |
| <p><b>1. Người đề nghị xóa đăng ký/Applicant for the cancellation</b><br/>         Tên/Fullname:<br/>         Địa chỉ/Address:</p> <p><b>2. Bên cầm cố, thế chấp/Securing party</b><br/>         Tên/Full name:<br/>         Địa chỉ/Address:</p> <p><b>3. Bên nhận cầm cố, thế chấp/Secured party</b><br/>         Tên/Full name:<br/>         Địa chỉ/Address:</p> <p><b>4. Tàu bay/Aircraft</b><br/>         Số hiệu đăng ký/Registration Mark:<br/>         Loại tàu bay/Type of Aircraft:<br/>         Kiểu tàu bay/Designation of Aircraft:<br/>         Nhà sản xuất/Manufacturer:<br/>         Số xuất xưởng tàu bay/Manufacturer's Serial Number:<br/>         Năm xuất xưởng/Year of Delivery from the Manufacturer:<br/>         Kiểu loại động cơ/Designation of Engines:<br/>         Thời điểm hình thành/Time of Formation:</p> <p><b>5. Lý do xóa đăng ký/Reason for the cancellation</b></p> <p><b>6. Giá trị nghĩa vụ xóa bảo đảm/Value of secured obligation to be cancelled</b><br/>         Giá trị nghĩa vụ được bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố, thế chấp tàu bay số:...../GCN-CHK cấp ngày..... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung cầm cố, thế chấp tàu bay đã đăng ký số:...../GCN-CHK cấp ngày.....</p> |  |

*Value of secured obligation under the Registration Certificate of Aircraft Mortgage, Aircraft Pledge No.:...../GCN-CHK issued on..... or the Registration Certificate of Changes in Registered Aircraft Mortgage, Aircraft Pledge No.: .... issued on ...*

Ngày xóa đăng ký/Date of Deregistration:

**CỤC TRƯỞNG**

Ngày cấp/Date of issue:

**DIRECTOR GENERAL**

**Phụ lục 11. Mẫu đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tàu biển**

Annex 11: Application form for sea-going ship mortgage registration

*(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012**Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup> March 2012)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., day... month... year...

**ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP TÀU BIỂN****APPLICATION FOR SEA - GOING SHIP MORTGAGE REGISTRATION****Kính gửi/To: (Tên cơ quan đăng ký/Name of registry) .....****❶ Thông tin chung/General information**

1.1. Người yêu cầu đăng ký/Applicant

 Bên thế chấp/Mortgagor     Bên nhận thế chấp/  
Mortgagee     Người được ủy quyền/  
Authorized person
1.2. Nhận kết quả đăng ký/  Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registryMethods to get registration  Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By  
result post (specify name and address of receiver) .....1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ <sup>(\*)</sup>/  
Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier <sup>(\*)</sup>

Họ và tên/Full name..... Số điện thoại/Tel: .....

Thư điện tử/Email .....

**❷ Bên thế chấp/Mortgagor**

- Tên đầy đủ (viết chữ IN HOA)/Full name (write in CAPITAL LETTERS) .....

- Địa chỉ/Address .....

 CMND/ID     Hộ chiếu/PP     QĐ thành lập/Establishment decision GCN Đăng ký kinh doanh/Business Registration Certificate GP đầu tư/Investment Licence Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác (ghi cụ thể)/Other documents proving legal  
status (state clearly): .....

Số/No..... do/issued by..... cấp ngày/on...../...../.....

|   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|
| <p><b>❸ Bên nhận thế chấp/Mortgagee</b><br/>         - Tên đầy đủ (<i>viết chữ IN HOA</i>)/Full name (<i>write in CAPITAL LETTERS</i>) .....</p> <p>- Địa chỉ/Address .....</p> <p><input type="checkbox"/> CMND/ID    <input type="checkbox"/> Hộ chiếu/PP    <input type="checkbox"/> QĐ thành lập/Establishment decision</p> <p><input type="checkbox"/> GCN Đăng ký kinh doanh/Business Registration Certificate</p> <p><input type="checkbox"/> GP đầu tư/Investment Licence</p> <p><input type="checkbox"/> Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác (<i>ghi cụ thể</i>)/Other documents proving legal status (<i>state clearly</i>): .....</p> <p>Số/No. .... do/issued by..... cấp ngày/on..... /...../.....</p> |   |   |   |   |   |   |
| <p><b>❹ Mô tả tài sản thế chấp/Description of mortgaged assets</b><br/>         Tên tàu/Name of ship..... Hô hiệu/Call sign .....</p> <p>Loại tàu/Type of ship.....</p> <p>Chủ tàu/Owner.....</p> <p>Năm và nơi đóng/Shipbuilding year and place .....</p> <p>Chiều dài/rộng/cao/Length/width/height .....</p> <p>Trọng tải toàn phần/Total load.....</p> <p>Tổng dung tích/Total capacity..... Dung tích thực/Net capacity.....</p> <p>Số đăng ký/Registration No. .... Ngày đăng ký/Registration date.....</p>  |   |   |   |   |   |   |
| <p><b>❺ Hợp đồng thế chấp tài sản/Asset mortgage contract</b><br/>         Số/No. .... ký ngày/signed on..... tháng/month..... năm/year.....</p>  |   |   |   |   |   |   |
| <p><b>❻ Kèm theo đơn yêu cầu gồm có/Attachment to the application include:</b></p> <table border="0"> <tr> <td>- Hợp đồng thế chấp tàu biển<br/><i>Ship mortgage contract</i></td> <td>gồm ..... trang<br/><i>including ... page(s)</i></td> <td rowspan="2" style="text-align: center; vertical-align: middle;"> <i>Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar</i><br/> <input type="checkbox"/><br/><br/> <input type="checkbox"/> </td> </tr> <tr> <td>- Văn bản ủy quyền (nếu có)<br/><i>Authorization document (if any)</i></td> <td>gồm ..... trang<br/><i>including ... page(s)</i></td> </tr> </table>  |   | - Hợp đồng thế chấp tàu biển<br><i>Ship mortgage contract</i>   | gồm ..... trang<br><i>including ... page(s)</i> | <i>Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar</i><br><input type="checkbox"/><br><br><input type="checkbox"/> | - Văn bản ủy quyền (nếu có)<br><i>Authorization document (if any)</i> | gồm ..... trang<br><i>including ... page(s)</i> |
| - Hợp đồng thế chấp tàu biển<br><i>Ship mortgage contract</i>   | gồm ..... trang<br><i>including ... page(s)</i> | <i>Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar</i><br><input type="checkbox"/><br><br><input type="checkbox"/> |   |   |   |   |
| - Văn bản ủy quyền (nếu có)<br><i>Authorization document (if any)</i>   | gồm ..... trang<br><i>including ... page(s)</i> |   |   |   |   |   |
| <p><b>❼ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn này là trung thực, phù hợp với thỏa thuận của các bên tham gia giao dịch bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/The applicant commits the information stated in the Application is true and correct, suitable with the agreement of the Parties participating in the guaranteed transaction and completely responsible to the law for stated information.</b></p>  |   |   |   |   |   |   |

**BÊN THẾ CHẤP/MORTGAGOR  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/  
OR AUTHORIZED PERSON)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
*Signature, full name, position and stamp (if any)*

**BÊN NHẬN THẾ CHẤP/MORTGAGEE  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/  
OR AUTHORIZED PERSON)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
*Signature, full name, position and stamp (if any)*

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận đơn: \_\_\_ giờ \_\_\_ phút,  
ngày \_\_\_/\_\_\_/\_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_ hour \_\_\_  
minute, on \_\_\_/\_\_\_/\_\_\_

Cán bộ tiếp nhận (*ký và ghi rõ họ, tên*)/Receiver  
(*signature and full name*)

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

### 2. Kê khai tại mục/Complete in item ❷ và mục/and item ❸ (bên thế chấp và bên nhận thế chấp/mortgagor and mortgagee)

a) Việc kê khai tên, số giấy tờ xác định tư cách pháp lý (Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Quyết định thành lập, GCN đăng ký kinh doanh ...) của các bên tham gia thế chấp thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30/3/2012.

The completion of name, document number determining the legal status (ID, PP, Establishment Decision, Business Registration Certificate...) of the parties participating in the mortgage is implemented under the guidance at the Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup> March 2012.

b) Trong trường hợp có nhiều bên thế chấp hoặc nhiều bên nhận thế chấp thì kê khai tất cả các bên thế chấp hoặc bên nhận thế chấp vào mục ❷ hoặc ❸/In case of having many mortgagors or many mortgagees, complete all mortgagors or mortgagees into items ❷ or ❸.

**3. Kê khai tại mục/Completion in item ❹:** Mỗi đơn yêu cầu chỉ đăng ký một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/Each application only registers a contract and annexes of that contract (if any).



**Phụ lục 12. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển**

Annex 12: Certificate form of Sea-going Ship Mortgage Registration

*(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012**Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup> March 2012)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

....., day..... month..... year.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP TÀU BIỂN****CERTIFICATE OF SEA-GOING SHIP MORTGAGE REGISTRATION****Số:...../năm****No.:...../year****(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/NAME OF REGISTRY)  
CHỨNG NHẬN/CERTIFIES THAT**

1. Tàu biển có các thông số dưới đây đã được đăng ký thế chấp trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực đăng ký từ..... giờ..... phút, ngày..... tháng ..... năm..... gồm những nội dung sau đây/The sea-going ship with the following parameters is registered for mortgage in the Vietnam National Sea-Going Ships Registration Book, valid from..... hour..... minute, day..... month..... year..... including the following contents

**2. Tài sản thế chấp/Mortgage assets**

Tên tàu/Name of ship..... Hồ hiệu/Call sign.....

Loại tàu/Type of ship.....

Chủ tàu/Owner .....

Năm và nơi đóng/Shipbuilding year and place.....

Chiều dài/rộng/cao/Length/width/height..... Trọng tải toàn phần/Total load.....

Tổng dung tích/Total capacity.....

**3. Bên thế chấp/Mortgagor**

Tên/Name.....

Địa chỉ/Address .....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/Documents proving legal status No.....

do/issued by ..... cấp ngày/on...../...../.....

**4. Bên nhận thế chấp/Mortgagee.....**

Tên/Name.....

Địa chỉ/Address .....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/Documents proving legal status No.....

do/issued by ..... cấp ngày/on...../...../.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN  
HEAD OF SHIP REGISTRY***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
Signature, full name, position and stamp)*

**Phụ lục 13. Mẫu đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký**  
*Annex 13: Application form for change registration of registered sea-going ship mortgage content*  
*(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012*  
*Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>*  
*March 2012)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ**  
**THAY ĐỔI NỘI DUNG THẾ CHẤP TÀU BIỂN ĐÃ ĐĂNG KÝ**  
**APPLICATION FOR CHANGE REGISTRATION OF**  
**REGISTERED SEA-GOING SHIP MORTGAGE CONTENT**

**Kính gửi/To:** (Tên cơ quan đăng ký/Name of registry) .....

**❶ Thông tin chung/General information**

1.1. Người yêu cầu đăng ký/Applicant

Bên thế chấp/Mortgagor     Bên nhận thế chấp/ Mortgagee     Người được ủy quyền/ Authorized person

1.2. Nhận kết quả đăng ký/ Methods to get registration result

Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry  
 Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post (specify name and address of receiver) .....

1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ<sup>(\*)</sup>/ Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier<sup>(\*)</sup>

Họ và tên/Full name..... Số điện thoại/Tel: .....

Thư điện tử/Email .....

**❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration certificate number**

.....

**❸ Nội dung thay đổi/Change content**

3.1. Nội dung yêu cầu thay đổi/Required change content

Thay đổi tên, thay đổi giấy tờ xác định tư cách pháp lý của một hay các bên: *Kê khai tiếp tại điểm 3.3/Change name, change documents proving legal status of a party or parties: Continue to complete at item 3.3*

Thay đổi các bên (rút bớt, thay thế hoặc bổ sung): *Kê khai tiếp tại điểm 3.2 và/hoặc điểm 3.3/Change parties (reduce, replace or supplement): Continue to complete at 3.2 and/or item 3.3*

Thay đổi tài sản (rút bớt hoặc bổ sung tài sản mà không ký HĐ mới): *Kê khai tiếp tại điểm 3.3/Change assets (reduce or supplement assets without signing new contract): Continue to complete at item 3.3*

Thay đổi các nội dung khác đã đăng ký/Change other registered contents.  
*Kê khai tiếp tại điểm 3.3/Continue to complete at item 3.3*

3.2. *Kê khai bên tham gia hợp đồng thế chấp mới (do thay thế, bổ sung)/Complete party participating in new mortgage contract (due to replacement, supplementation)*

Bên thế chấp/Mortgagor  Bên nhận thế chấp/Mortgagee

Tên đầy đủ/Full name (*viết chữ IN HOA/write in CAPITAL LETTERS*) .....

Địa chỉ/Address .....

CMND/ID  Hộ chiếu/PP  QĐ thành lập/Establishment decision

GCN Đăng ký kinh doanh/Business Registration Certificate  GP đầu tư/Investment License

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác (*ghi cụ thể*)/Other documents proving legal status (*state clearly*) .....

Số/No ..... do/issued by..... cấp ngày/on...../...../.....

3.3. *Kê khai nội dung thay đổi khác/Completion of other change content*

**④ Kèm theo đơn yêu cầu gồm có/Attachment to the application include**

***Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar***

- Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp ..... gồm.... trang  
*Issued sea-going ship mortgage registration certificate*  
including..... page(s)

- Phụ lục số 14 ..... gồm..... trang  
*Annex No. 14*  
including..... page(s)

|  |  |
|--|--|
| <p>- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tàu biển hoặc văn bản chứng minh nội dung thay đổi<br/>Contract on amendment, supplementation of sea-going ship mortgage contract or document proving the change content</p>  | <p>gồm..... trang<br/>including..... page(s)</p> |
| <p>- Văn bản ủy quyền<br/>Authorization document (if any)</p>  | <p>gồm..... trang<br/>including..... page(s)</p> |
| <p><b>Ⓢ</b> Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký này là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/The applicant commits the information stated in the Application is true and correct, and completely responsible to the law for stated information.</p> |  |

**BÊN THẾ CHẤP/MORTGAGOR  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/  
OR AUTHORIZED PERSON)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)

**BÊN NHẬN THẾ CHẤP/MORTGAGEE  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/  
OR AUTHORIZED PERSON)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)

|   |
|---|
| <p><b>PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ<br/>FOR REGISTRY ONLY</b></p>  |
| <p>Thời điểm tiếp nhận đơn: ___ giờ ___<br/>phút, ngày ___/___/___<br/>Time of application receiving: ___ hour ___<br/>minute, on ___/___/___</p> |
| <p>Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)<br/>Receiver (signature and full name)</p>   |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION****1. Hướng dẫn chung/General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item 2 - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/Number of Registration certificate issued by the registry.**

**3. Kê khai tại mục/Complete in item 3 - Nội dung thay đổi/Change content**

3.1. Tại điểm 3.1: Đánh dấu vào ô vuông tương ứng với nội dung yêu cầu thay đổi/At item 3.1: Mark into corresponding square with change requirement content.

**3.2. Thay đổi về các bên/Change on Parties**

a) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung hoặc thay thế bên tham gia hợp đồng thế chấp thì phải kê khai đầy đủ thông tin về bên bổ sung hoặc thay thế tại điểm 3.2. Việc kê khai về bên bổ sung hoặc thay thế thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a mục 2 phần Hướng dẫn kê khai của Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tàu biển (Phụ lục số 11)/If the change content is to supplement or change the Party participating in the mortgage contract, it is required to complete full information about the supplementation or replacement Party at point 3.2. The completion about the supplementation or replacement Party is implemented in accordance with the guidance at point a item 2 at part: completion guidance of Application for sea-going ship mortgage (Annex No. 11).

b) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt bên tham gia hợp đồng thế chấp thì chỉ phải kê khai về tên của bên rút bớt tại điểm 3.3, theo đúng tên trong giao dịch bảo đảm đã đăng ký/If the change content is to reduce the Parties participating in the mortgage contract, it is required to complete the name of the reduction Party at point 3.3 in accordance with the name in registered guarantee transaction.

3.3. Thay đổi các nội dung khác: Kê khai đồng thời về nội dung bị thay đổi và nội dung thay đổi tại điểm 3.3/Change on other contents: Completing at the same time the content to be changed and changed content at point 3.3.

3.3.1. Thay đổi tên, số của giấy tờ xác định tư cách pháp lý của các bên (thay đổi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ví dụ: thay đổi do sáp nhập hoặc chia tách doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề kinh doanh...): Kê khai về tên và số giấy tờ

xác định tư cách pháp lý của bên đó theo đúng trong đơn yêu cầu đăng ký có nội dung cần thay đổi, đồng thời kê khai về tên hoặc (và) số giấy tờ xác định tư cách pháp lý yêu cầu thay đổi tại điểm 3.3. (Ví dụ: Nguyễn Văn A, số CMND 123. Yêu cầu thay đổi số CMND là 234 hoặc yêu cầu thay đổi tên là Nguyễn Văn B)/Change on name, number of document determining legal status of the Parties (change under the decision of the State competent authority, for example: change due to merge or division of the enterprise, change of business lines...): Complete the name and document number determining legal status of that Party in accordance with application for registration with changed content, and complete the name or (and) document number determining legal status requiring to change at point 3.3 (For example: Nguyen Van A, ID Card No. 123. Require to change the ID Card No. being 234 or require to change the name being Nguyen Van B).

### 3.3.2. Thay đổi tài sản/Change on assets

a) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt tài sản thế chấp (rút một hoặc một số tài sản thế chấp) thì kê khai về tài sản rút bớt theo đúng nội dung đã mô tả về tài sản đó trong hợp đồng thế chấp đã đăng ký tại điểm 3.3/If the change content is to reduce the mortgage assets (reduce one or some mortgage assets), complete the reduced assets in accordance with the content described about those assets in the registered mortgage contract at point 3.3.

b) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung hoặc thay thế tài sản thế chấp thì kê khai tại điểm 3.3/If the change content is to supplement or change the mortgage assets, complete at point 3.3.

c) Ghi rõ nội dung thay đổi tài sản là rút bớt hay bổ sung hay thay thế tại điểm 3.3 khi mô tả tài sản thế chấp/State the asset change content to be reduction or supplementation or replacement at point 3.3 as describing the mortgage assets.





**Phụ lục 15. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung  
thế chấp tàu biển đã đăng ký**

Annex 15: Registration change certificate form of registered sea-going ship  
mortgage content

(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI  
NỘI DUNG THẾ CHẤP TÀU BIỂN ĐÃ ĐĂNG KÝ  
REGISTRATION CHANGE CERTIFICATE OF REGISTERED SHIP  
MORTGAGE CONTENT**

Số:...../năm

No.:...../year

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/NAME OF SHIP REGISTRY)  
CHỨNG NHẬN/CERTIFIES THAT**

**1. Nội dung đăng ký thay đổi đã được ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực đăng ký từ..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm..... gồm những nội dung sau đây/The change registration content was recorded in the Vietnam National Sea-going Ships Registration Book, valid from..... hour..... minute, day..... month..... year..... including the following contents**

**2. Bên thế chấp/Mortgagor**

Tên/Name.....

Địa chỉ/Address.....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/Documents proving legal status No .....

..... do/issued by..... cấp ngày/on ...../...../.....

**3. Bên nhận thế chấp/Mortgagee**.....

Tên/Name.....

Địa chỉ/Address.....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/Documents proving legal status No.....

..... do/issued by..... cấp ngày/on...../...../.....

**4. Tài sản đã thế chấp/Mortgaged assets**

Tên tàu/Name of ship..... Hồ hiệu/Call sign.....

Loại tàu/Name of ship.....

Chủ tàu/Owner.....

Năm và nơi đóng/Shipbuilding year and place.....

Chiều dài/rộng/cao/Length/width/height.....

Trọng tải toàn phần/Total load.....

Tổng dung tích/Total capacity..... Dung tích thực/Net capacity.....

Số đăng ký/Registration number.....

Ngày đăng ký/Registration date.....

**5. Số giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp/Number of issued Certificate of sea-going ship mortgage registration:****6. Thời điểm đăng ký thế chấp tàu biển tại Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp/Time of sea-going ship mortgage registration at issued certificate of sea-going ship mortgage registration:****7. Nội dung đăng ký thay đổi/Change registration content***7.1. Thay đổi bên thế chấp/Change on mortgagor*

a) Thay đổi tên/Change on name

b) Thay đổi số giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Change on document proving legal status

c) Rút bớt bên thế chấp/Reduce the mortgagor

d) Bổ sung bên thế chấp/Supplement the mortgagor

đ) Thay thế bên thế chấp/Replace the mortgagor

*7.2. Thay đổi bên nhận thế chấp/Change on the mortgagee*

a) Thay đổi tên/Change on name

b) Thay đổi số giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Change on document proving legal status

c) Rút bớt bên nhận thế chấp/Reduce the mortgagee

d) Bổ sung bên nhận thế chấp/Supplement the mortgagee

đ) Thay thế bên nhận thế chấp/Replace the mortgagee

*7.3. Thay đổi tài sản/Change on assets*

a) Rút bớt tài sản/Reduce assets

b) Bổ sung tài sản thế chấp tại thời điểm..... giờ..... phút....., ngày... tháng... năm/Supplement the mortgage assets at the time of..... hour ..... minute....., day... month... year.

*7.4. Thay đổi các nội dung khác đã đăng ký tại mục số... trang số...../Change on other registered contents at item No. ... page No. ....***THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN  
HEAD OF SHIP REGISTRY***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu**Signature, full name, position and stamp)*

**Phụ lục 16. Mẫu đơn yêu cầu sửa chữa sai sót về đăng ký thế chấp tàu biển**  
 Annex 16: Application Form for error correction of sea-going ship mortgage registration  
 (Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
 Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
 March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**ĐƠN YÊU CẦU SỬA CHỮA SAI SÓT VỀ ĐĂNG KÝ**  
**THẾ CHẤP TÀU BIỂN**  
**APPLICATION FOR ERROR CORRECTION OF SEA-GOING SHIP**  
**MORTGAGE REGISTRATION**

**Kính gửi/To: (Tên cơ quan đăng ký/Name of registry) .....**

**❶ Thông tin chung/General information**

1.1. Người yêu cầu đăng ký/Applicant

Bên thế chấp/Mortgagor     Bên nhận thế chấp/ Mortgagee     Người được ủy quyền/ Authorized person

1.2. Nhận kết quả đăng ký/ Methods to get registration result  
 Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry  
 Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of receiver) .....

1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ (\*)/  
 Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier (\*)

Họ và tên/Full name..... Số điện thoại/Tel: .....

Thư điện tử/Email .....

**❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration certificate No.**

**❸ Nội dung sửa chữa sai sót (kê khai về nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa)/Contents of error correction (state error contents and requested contents for correction)**

.....  
 .....  
 .....  
 .....

|   |   |
|---|---|
| <p><b>④ Kèm theo đơn yêu cầu gồm có/Attachments to the application include</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp gồm ..... trang<br/><i>Issued Certificate of Ship Mortgage Registration including ..... pages</i></li> <li>- Văn bản ủy quyền/Authorization document</li> </ul>                      | <p><b>Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar</b></p> <div style="text-align: center;"> <input style="width: 20px; height: 20px; border: 1px solid black;" type="text"/><br/><br/> <input style="width: 20px; height: 20px; border: 1px solid black;" type="text"/> </div> |
| <p><b>⑤ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/The applicant commits the information stated in the Application is true and correct, full and completely responsible to the law for stated information.</b></p> |   |

**BÊN THẾ CHẤP/MORTGAGOR  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

**BÊN NHẬN THẾ CHẤP/MORTGAGEE  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận đơn: \_\_\_ giờ \_\_\_  
phút, ngày \_\_\_/\_\_\_/\_\_\_

Time of application receiving: \_\_\_ hour \_\_\_  
minute, on \_\_\_/\_\_\_/\_\_\_

Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/  
Receiver (signature and full name)

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION****1. Hướng dẫn chung/General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/Number of Registration certificate issued by the registry.**

**3. Kê khai tại mục/Complete in item ③ - Nội dung sửa chữa sai sót/Contents of error correction**

- Kê khai về nội dung sai sót (theo đúng nội dung tại đơn yêu cầu đăng ký có nội dung sai sót) và nội dung yêu cầu sửa chữa/Complete about error contents (under the contents as stated at the application for registration with error contents) and requested contents for correction.

- Mỗi nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa phải đánh số thứ tự và được kê khai cách nhau 01 dòng (ví dụ, 01. nội dung "A" sửa thành "A1"; 02. tên tàu là "Hồng Hà" sửa thành tên tàu là "Hoàng Hà")/Each error content and requested content for correction must be numbered and completed far from other 01 line (for example, 01. content "A" is corrected "A1"; 02. name of ship as "Hong Ha" is corrected "Hoang Ha").

**4. Kê khai tại mục/Complete in item ④ - Kèm theo Đơn yêu cầu gồm có/Attachments to the application include**

- Trong trường hợp có sai sót trên Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp thì người yêu cầu đăng ký nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp cho cơ quan đăng ký và cơ quan đăng ký sẽ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã được sửa chữa sai sót cho người yêu cầu đăng ký/In the error case on the issued Registration certificate, the applicant must submit the issued Registration certificate to the Registry and the Registry shall reissue the Registration certificate with error correction for the applicant.

**Phụ lục 17. Mẫu đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc  
xử lý tài sản thế chấp là tàu biển**

Annex 17: Application Form for Registration of notice on enforcement  
of mortgaged sea-going ship

(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO  
VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN THẾ CHẤP LÀ TÀU BIỂN  
APPLICATION FOR REGISTRATION OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF  
MORTGAGED SEA-GOING SHIP**

**Kính gửi/To: (Tên cơ quan đăng ký/Name of registry) .....**

|  |   |
|--|---|
| <b>❶ Thông tin chung/General information</b>   |   |
| 1.1. Người yêu cầu đăng ký/Applicant   |   |
| <input type="checkbox"/> Bên thế chấp/Mortgagor  | <input type="checkbox"/> Bên nhận thế chấp/ <input type="checkbox"/> Người được ủy quyền/<br>Mortgagee Authorized person            |
| 1.2. Nhận kết quả đăng ký/<br>Methods to get registration result   |   |
| <input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry  | <input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By<br>post (specify name and address of receiver) ..... |
| 1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ <sup>(*)</sup> /<br>Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier <sup>(*)</sup> |   |
| Họ và tên/Full name..... Số điện thoại/Tel: .....  |   |
| Thư điện tử/Email .....  |   |
| <b>❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration certificate No.</b><br>.....  |   |
| <b>❸ Tài sản thế chấp bị xử lý/Settled mortgage assets</b>   |   |
| 3.1. <input type="checkbox"/>  | Xử lý toàn bộ tài sản thế chấp/Settle all mortgage assets   |
| 3.2. <input type="checkbox"/>  | Xử lý một phần tài sản thế chấp, gồm/Settle partial mortgage assets, including  |



**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận đơn: \_ \_ \_ giờ \_ \_ \_  
*phút, ngày* \_ \_ \_ / \_ \_ \_ / \_ \_ \_  
Time of application receiving: \_ \_ \_ hour \_ \_ \_  
*minute, on* \_ \_ \_ / \_ \_ \_ / \_ \_ \_

Cán bộ tiếp nhận (*ký và ghi rõ họ, tên*) /  
Receiver (*signature and full name*)



**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION****1. Hướng dẫn chung/General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/Number of Registration certificate issued by the registry.**

**3. Kê khai tại mục/Complete in item ③ - Tài sản thế chấp bị xử lý/Settled mortgage assets**

a) Đánh dấu vào ô vuông tại điểm 3.1 hoặc điểm 3.2 để xác định yêu cầu xử lý toàn bộ hay một phần tài sản thế chấp/Mark in box at point 3.1 or point 3.2 to determine settlement requirements of whole or partial mortgage assets.

b) Trong trường hợp yêu cầu xử lý một phần tài sản thế chấp (điểm 3.2) thì phải kê khai về tài sản bị xử lý theo đúng nội dung đã mô tả về tài sản đó tại đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tàu biển đã được giải quyết/In the case of requirement for settlement of partial mortgage assets (point 3.2), please complete settled assets in accordance with described contents on such assets at the settled application for ship mortgage registration.

**Phụ lục 18. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển**

Annex 18: Certificate form of registration of notice on enforcement of mortgaged sea-going ship  
(Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup> March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO**  
**VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN THẾ CHẤP LÀ TÀU BIỂN**  
**CERTIFICATE OF REGISTRATION OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF**  
**MORTGAGED SEA - GOING SHIP**

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/NAME OF SHIP REGISTRY)**

**CHỨNG NHẬN/CERTIFIES THAT**

**1. Nội dung đăng ký thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là tàu biển đã được ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực đăng ký từ..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm..... gồm những nội dung sau đây/Contents on registration notice on enforcement of mortgaged sea-going ship are registered in the Vietnam National Sea-Going Ships Registration Book, valid from..... hour..... minute, day..... month..... year..... including the following contents**

**2. Bên thế chấp/Mortgagor**

- Tên/Full name:

- Địa chỉ/Address:

- Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/Documents proving legal status No.....  
..... do/issued by..... cấp ngày/on ...../...../.....

**3. Bên nhận thế chấp/Mortgagee**

- Tên/Full name:

- Địa chỉ/Address:

- Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/Documents proving legal status No.....  
..... do/issued by..... cấp ngày/on ...../...../.....

**4. Số giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp/Issued Certificate of Ship mortgage registration .....**

5. Tài sản thế chấp bị xử lý/Mortgage assets to be enforced

.....  
.....  
.....

6. Phương thức xử lý/Enforcement method

.....

7. Thời gian xử lý/Enforcement time

.....

8. Địa điểm xử lý/Enforcement location

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN  
HEAD OF SHIP REGISTRY**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/Signature,  
full name, position and stamp)*

**Phụ lục 19. Mẫu đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp tàu biển**  
 Annex 19: Application form for deletion of sea-going ship mortgage registration  
 (Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
 Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
 March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ... month ... year ...

**ĐƠN YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP TÀU BIỂN**  
**APPLICATION FOR CANCELLATION OF SEA - GOING SHIP**  
**MORTGAGE REGISTRATION**

**Kính gửi/Tơ:** (Tên cơ quan đăng ký/Name of registry) .....

|  |  |
|--|--|
| <b>❶ Thông tin chung/General information</b>   |  |
| 1.1. Người yêu cầu đăng ký/Applicant   |  |
| <input type="checkbox"/> Bên thế chấp/Mortgagor  | <input type="checkbox"/> Bên nhận thế chấp/Mortgagee   |
|  | <input type="checkbox"/> Người được ủy quyền/Authorized person   |
| 1.2. Nhận kết quả đăng ký/<br>Methods to get registration result   |  |
| <input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry  | <input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of receiver) ..... |
| 1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ <sup>(*)</sup> /<br>Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier <sup>(*)</sup> |  |
| Họ và tên/Full name..... Số điện thoại/Tel: .....  |  |
| Thư điện tử/Email .....  |  |
| <b>❷ Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration certificate No.: .....</b>  |  |
| <b>❸ Kèm theo đơn yêu cầu gồm có/Attachments to the application include</b>  | <b>Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar</b>  |
| - Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp<br>Issued sea-going ship mortgage registration certificate  | <input style="width: 30px; height: 30px;" type="text"/>  |
| gồm .... trang<br>including ..... page(s)  |  |

|   |  |
|---|--|
| <p>- Văn bản đồng ý xóa đăng ký thế chấp tàu biển của bên nhận thế chấp tàu biển hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt, trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên thế chấp<br/>gồm ..... trang<br/><i>Document agreeing the deletion of ship mortgage of the mortgagee or document certifying termination of the secured obligations in case of the person requiring the deletion of registration is the mortgagor</i><br/>including ..... page(s)</p> | <input style="width: 100%; height: 100%;" type="text"/>  |
| <p>- Văn bản ủy quyền<br/><i>Authorization document</i></p>   | <p>gồm ..... trang<br/>including ..... page(s)</p> <input style="width: 100%; height: 100%;" type="text"/> |
| <p>- Giấy tờ khác (nếu có)/Others (if any)</p>  | <input style="width: 100%; height: 100%;" type="text"/>  |
| <p><b>④ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/The applicant commits the information stated in the Application is true and correct, full and completely responsible to the law for stated information.</b></p>   |  |

**BÊN THẾ CHẤP/MORTGAGOR  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

**BÊN NHẬN THẾ CHẤP/MORTGAGEE  
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR  
AUTHORIZED PERSON)**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
Signature, full name, position and stamp (if any)*

|   |
|---|
| <p><b>PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ<br/>FOR REGISTRY ONLY</b></p>  |
| <p>Thời điểm tiếp nhận đơn: ___ giờ ___ phút,<br/>ngày ___ / ___ / ___</p> <p>Time of application receiving: ___ hour ___<br/>minute, on ___ / ___ / ___</p> <p>Cán bộ tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/<br/>Receiver (signature and full name)</p> |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION****1. Hướng dẫn chung/General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item ② - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/Number of Registration certificate issued by the registry.**

**Phụ lục 20. Mẫu giấy chứng nhận xóa đăng ký thế chấp tàu biển**  
 Annex 20: Certificate form for cancellation of sea-going ship mortgage registration  
 (Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
 Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
 March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP TÀU BIỂN**  
**CERTIFICATE FOR CANCELLATION OF SEA-GOING SHIP MORTGAGE**  
**REGISTRATION**

Số:...../năm

No.:...../year

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/NAME OF SHIP REGISTRY)**  
**CHỨNG NHẬN/CERTIFIES THAT**

**1. Nội dung xóa đăng ký thế chấp tàu biển đã được ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực từ..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm..... gồm những nội dung sau đây/Contents on deletion of sea-going ship mortgage registration are registered in the Vietnam National Sea-Going Ships Registration Book, valid from ..... hour..... minute, day..... month..... year..... including the following contents**

**2. Bên thế chấp/Mortgagor**

Tên/Name.....

Địa chỉ/Address.....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/Documents proving legal status No .....  
 do/issued by..... cấp ngày/on ...../...../.....

**3. Bên nhận thế chấp/Mortgagee**

Tên/Name.....

Địa chỉ/Address.....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/Documents proving legal status No.....  
 do/issued by..... cấp ngày/on...../...../.....

**4. Số giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển đã cấp/Number of issued Certificate of ship mortgage registration** .....

**5. Tài sản đã thế chấp/Mortgaged assets**

Tên tàu/Name of ship..... Hô hiệu/Call sign.....

Loại tàu/Name of ship.....  
Chủ tàu/Owner.....  
Năm và nơi đóng/Shipbuilding year and place.....  
Chiều dài/rộng/cao/Length/width/height.....  
Trọng tải toàn phần/Total load.....  
Tổng dung tích/Total capacity..... Dung tích thực/Net capacity.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN  
HEAD OF SHIP REGISTRY**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
Signature, full name, position and stamp)*



**Phụ lục 21. Mẫu đơn yêu cầu cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**  
 Annex 21: Application Form for information provision on aircraft mortgage, pledge  
 (Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
 Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
 March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**ĐƠN YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ CẦM CỐ TÀU BAY,  
 THẾ CHẤP TÀU BAY**  
**APPLICATION FOR INFORMATION PROVISION ON AIRCRAFT  
 MORTGAGE, PLEDGE**

**Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam**

|   |
|---|
| <p><b>❶ Hình thức nhận thông tin/Form of information receipt</b></p> <p><input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry</p> <p><input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện (theo tên và địa chỉ kê khai tại mục ❷ đơn này)/By post (under name and address completed at item ❷ of this application)</p>   |
| <p><b>❷ Người yêu cầu cung cấp thông tin/Applicant</b></p> <p>2.1. Tên đầy đủ: (viết chữ IN HOA)/Full name (write in CAPITAL LETTER) .....</p> <p>.....</p> <p>2.2. Địa chỉ/Address .....</p> <p>2.3. Người đề cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ <sup>(*)</sup>/ Information on contact person when necessary during dealing with records <sup>(*)</sup></p> <p>Họ và tên/Full name .....</p> <p>Số điện thoại/Tel..... Thư điện tử/Email.....</p> |
| <p><b>❸ Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin/Requested contents on information provision</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>  |

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN**  
**APPLICANT**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)  
 Signature, full name, position and stamp (if any)

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận đơn: \_ \_ \_ giờ \_ \_ \_  
*phút, ngày* \_ \_ \_ / \_ \_ \_ / \_ \_ \_  
Time of application receiving: \_ \_ \_ hour \_ \_ \_  
*minute, on* \_ \_ \_ / \_ \_ \_ / \_ \_ \_

Cán bộ tiếp nhận (*ký và ghi rõ họ, tên*)/  
Receiver (*signature and full name*)

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION****1. Hướng dẫn chung/General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item ❶**, trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong hai ô vuông tại điểm này thì kết quả cung cấp thông tin được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký/In the case the applicant doesn't mark in one of boxes at this item, then results of information provision shall be given directly at the registry.

**Phụ lục 22. Mẫu đơn yêu cầu cung cấp thông tin về thế chấp tàu biển**  
 Annex 22: Application Form for information provision on sea-going ship mortgage  
 (Ban hành kèm TTLT số 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2012  
 Promulgated under Inter-ministerial Circular No. 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT dated 30<sup>th</sup>  
 March 2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., day ..... month ..... year .....

**ĐƠN YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN**  
**VỀ THẾ CHẤP TÀU BIỂN**  
**APPLICATION FOR INFORMATION PROVISION ON SEA-GOING SHIP**  
**MORTGAGE**

**Kính gửi/To: Tên cơ quan đăng ký/Name of Registry**

|   |
|---|
| <p><b>❶ Hình thức nhận thông tin/Form of information receipt</b></p> <p><input type="checkbox"/> Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry</p> <p><input type="checkbox"/> Qua đường bưu điện (theo tên và địa chỉ kê khai tại mục ❷ đơn này)/By post (under name and address completed at item ❷ of this application)</p>   |
| <p><b>❷ Người yêu cầu cung cấp thông tin/Applicant</b></p> <p>2.1. Tên đầy đủ: (viết chữ IN HOA)/Full name (write in CAPITAL LETTER) .....</p> <p>.....</p> <p>2.2. Địa chỉ/Address .....</p> <p>2.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ <sup>(*)</sup>/ Information on contact person when necessary during dealing with records <sup>(*)</sup></p> <p>Họ và tên/Full name .....</p> <p>Số điện thoại/Tel..... Thư điện tử/Email.....</p> |
| <p><b>❸ Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin/Requested contents on information provision</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>  |

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN**  
**APPLICANT**

*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)*  
*Signature, full name, position and stamp (if any)*

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ  
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận đơn: \_ \_ \_ \_ giờ \_ \_ \_ \_  
*phút, ngày* \_ \_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_  
Time of application receiving: \_ \_ \_ \_ hour \_ \_ \_ \_  
*minute, on* \_ \_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_

Cán bộ tiếp nhận (*ký và ghi rõ họ, tên*)/  
Receiver (*signature and full name*)

## HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION

### 1. Hướng dẫn chung/General instructions

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/Complete in item ❶**, trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong hai ô vuông tại điểm này thì kết quả cung cấp thông tin được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký/In the case the applicant doesn't mark in one of boxes at this item, then results of information provision shall be given directly at the registry.